

#SoKyHieuVanBan

#DiaDiemNgayBanHanh

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị thông qua nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Khu xử lý chất thải rắn huyện Thăng Bình**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Thăng Bình.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch, ngày 29/11/2018; Luật số 62/2014/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/10/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng;

Căn cứ Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD, ngày 24/10/2022 của Bộ xây dựng về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên

và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2149/QĐ-TTg ngày 17/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định 72/QĐ-TTg ngày 17/1/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 27/12/2016 của Tỉnh ủy Quảng Nam về quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025;

Căn cứ Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam về Phê duyệt Đề án quản lý chất thải rắn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 5626/UBND-KTN ngày 23/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc tập trung giải quyết thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh và triển khai các dự án đầu tư khu xử lý rác thải tập trung trên địa bàn tỉnh; Công văn số 3423/UBND-KTN ngày 08/6/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc chủ động trong việc xử lý rác thải trên địa bàn địa phương quản lý; Công văn số 6478/UBND-KTN ngày 22/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc đầu tư các dự án, khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các địa phương trên địa bàn tỉnh; Công văn số 8595/UBND-KTN ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc tăng cường công tác thu gom, xử lý rác thải và đầu tư các khu xử lý, nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; Công văn số 4090/UBND-KTN ngày 05/06/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc chủ động thực hiện nhiệm vụ xử lý rác thải phát sinh trên địa bàn của mỗi địa phương;

Căn cứ Quyết định 339/QĐ-UBND ngày 07/2/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt Quy hoạch và ban hành Quy định quản lý xây dựng kèm theo đề án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình, giai đoạn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 01/10/2020 của HĐND huyện Thăng Bình về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của huyện Thăng Bình; Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 01/10/2020 của HĐND huyện Thăng Bình về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021; Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 16/7/2024 của HĐND huyện Thăng Bình kỳ họp thứ 18, Hội đồng nhân dân huyện khóa XII;

Căn cứ các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam có liên quan;

Xét Tờ trình số 04 /TTr-NNMT ngày 28/02/2025 của Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Thăng Bình về việc đề nghị trình HĐND huyện thông qua nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu xử lý chất thải rắn huyện Thăng Bình;

UBND huyện Thăng Bình kính trình HĐND huyện Thăng Bình xem xét thông qua nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Khu xử lý chất thải rắn huyện Thăng Bình, với các nội dung chính sau:

**1. Tên đồ án:** Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Khu xử lý chất thải rắn huyện Thăng Bình.

**2. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch:**

a) Vị trí:

Tại tổ 6, thôn Đức An, xã Bình Phú, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

b) Phạm vi ranh giới:

- Phía Bắc: giáp đất rừng sản xuất;
- Phía Nam: giáp đất rừng sản xuất;
- Phía Đông: giáp đất rừng sản xuất;
- Phía Tây: giáp đất rừng sản xuất.

c) Quy mô lập quy hoạch: khoảng 7,0ha

**3. Tính chất khu vực lập quy hoạch:** Là khu xử lý chất thải rắn.

**4. Mục tiêu:**

- Cụ thể hóa Đề án Quản lý chất thải rắn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn, tăng cường khả năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn, góp phần bảo vệ môi trường cho địa phương, cải thiện điều kiện môi trường, nâng cao sức khỏe cộng đồng và tiết kiệm các chi phí liên quan đến quản lý, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn;

- Hình thành khu xử lý chất thải rắn với công nghệ xử lý các loại chất thải rắn đạt tiêu chuẩn, hiệu quả về môi trường, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện;

- Làm cơ sở để lập dự án đầu tư xây dựng; quản lý quy hoạch xây dựng.

**5. Các chỉ tiêu cơ bản:**

a) Quy mô: Khoảng 7,0ha.

Trong quá trình lập đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 cần khảo sát, đánh giá các điều kiện tự nhiên, địa hình và luận chứng, dự báo tổng lượng chất thải rắn thu gom và xử lý để xác định ranh giới, quy mô bố trí phù hợp.

b) Về đất đai:

- Các chỉ tiêu quy hoạch thực hiện theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Trong quá trình nghiên cứu lập đồ án Quy hoạch, tùy thuộc vào công nghệ được sử dụng trong quá trình xử lý chất thải rắn và các yêu cầu khác có liên quan đến khu vực quy hoạch để luận chứng các chỉ tiêu về kinh tế kỹ thuật phù hợp.

## **6. Nội dung và các yêu cầu thực hiện chính của đồ án:**

### **a) Công tác khảo sát, cắm mốc:**

Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 phục vụ lập quy hoạch chi tiết xây dựng với các yêu cầu sau:

- Bản đồ thành lập theo hệ tọa độ VN 2000; kinh tuyến trực  $107^{\circ}45'$ ; múi chiếu  $3^{\circ}$ ; độ cao quốc gia.

- Bản đồ địa hình được thành lập dạng bản đồ số. Các tờ bản đồ địa hình được lưu trữ trên các file \*.dwg, in đen trắng và lưu trữ files mềm (USB hoặc CD/DVD).

- Tổng diện tích khảo sát đo đạc tương ứng với quy mô lập quy hoạch khoảng 7,0ha.

- Quá trình khảo sát, phương pháp khảo sát và tiêu chuẩn, quy chuẩn khảo sát áp dụng theo quy định hiện hành.

- Cắm mốc quy hoạch: khoảng 35 mốc.

### **b) Lập đồ án Quy hoạch:**

Nội dung thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, trong đó cần lưu ý các vấn đề sau:

- Khảo sát, đánh giá hiện trạng phát sinh chất thải rắn, tình hình quản lý chất thải rắn; khả năng phân loại, tái chế và tái sử dụng chất thải rắn thông thường phát thải từ sinh hoạt và dịch vụ trên địa bàn huyện.

- Đề xuất phương án quy hoạch gắn với địa hình tự nhiên của khu vực; Xác định, tổ chức các khu chức năng đảm bảo việc bố trí cho các loại hình xử lý chất thải rắn khác nhau; đảm bảo nhu cầu thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện với công nghệ phù hợp, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Lựa chọn công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp các tiêu chí về công nghệ, về môi trường và xã hội và kinh tế.

- Xác định rõ các khoảng cách cách ly đối với các khu vực có khả năng gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ cháy nổ (bãi chôn lấp, bể xử lý nước rác, nơi chứa tạm thời chất thải nguy hại sau khi phân loại và chờ đưa đi xử lý).

- Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đảm bảo kết nối định hướng quy hoạch chung,

quy hoạch nông thôn mới, đảm bảo nhu cầu trong khu vực nghiên cứu và các khu vực xung quanh; trong đó, lưu ý:

- + Xác định tuyến đường vận chuyển và hành lang hai bên đường phù hợp;
- + Luận chứng để xác định cao độ nền, giải pháp san nền, kè chắn khu quy hoạch (nếu có);
- + Đề xuất mạng lưới hạ tầng giao thông khung phù hợp với loại hình, đảm bảo tính linh hoạt trong bố trí theo các loại hình và diện tích;
- + Quy hoạch thoát nước thải: Vị trí phát sinh nguồn thải (bể xử lý nước thải, nước rửa rác...) phải đảm bảo khoảng cách cách ly vệ sinh theo quy định; đề xuất cụ thể giải pháp xử lý nước thải.

- Đánh giá môi trường chiến lược trong giai đoạn quy hoạch; trong đó, đề xuất biện pháp để giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến môi trường trong đồ án quy hoạch. Đánh giá hiện trạng các nguồn gây ô nhiễm, đề xuất giải pháp xử lý đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Xây dựng kế hoạch và nguồn lực thực hiện. Khi xác định nguồn lực thực hiện quy hoạch, phải thuyết minh nguồn từ ngân sách địa phương, trung ương và các nguồn vốn đầu tư khác từ xã hội hóa công tác quản lý chất thải rắn.

## **7. Danh mục hồ sơ:**

a) Hồ sơ khảo sát, cắm mốc:

- Thuyết minh báo cáo kỹ thuật đo vẽ: 9 bộ.
- Bản vẽ địa hình in trên giấy croki: 9 bộ.
- Hồ sơ cắm mốc quy hoạch: 9 bộ.
- 2 đĩa CD ghi hồ sơ khảo sát.
- Các văn bản pháp lý kèm theo.

b) Hồ sơ quy hoạch:

- Hồ sơ quy hoạch xây dựng tuân thủ theo các quy định: Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ và Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ xây dựng về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

- Số lượng hồ sơ gồm: 9 bộ kèm theo 02 đĩa CD chứa toàn bộ nội dung đồ án quy hoạch.

**8. Dự toán kinh phí:**

Tổng mức dự toán kinh phí lập quy hoạch: 408.690.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm lẻ tám triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng*), cụ thể:

<b>STT</b>	<b>Hạng mục/Công việc</b>	<b>Kinh phí (đồng)</b>
<b>A</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN LẬP QUY HOẠCH</b>	<b>367.526.000</b>
1	Chi phí khảo sát địa hình sau thuế	71.911.000
2	Chi phí giám sát công tác khảo sát sau thuế	2.928.000
3	Chi phí kiểm tra khảo sát địa hình	1.093.000
4	Chi phí cắm mốc quy hoạch	112.901.000
5	Chi phí giám sát cắm mốc quy hoạch	4.597.000
6	Chi phí lập Đồ án quy hoạch sau thuế	148.078.000
7	Chi phí lập Nhiệm vụ sau thuế	25.645.000
7.1	<i>Chi phí lập Nhiệm vụ quy hoạch sau thuế</i>	<i>20.101.000</i>
7.2	<i>Chi phí lập Nhiệm vụ khảo sát, cắm mốc quy hoạch</i>	<i>5.544.000</i>
<b>B</b>	<b>CHI PHÍ THẨM ĐỊNH, QUẢN LÝ NGHIỆP VỤ</b>	<b>39.207.358</b>
1	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	3.722.485
2	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch	15.440.497
3	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch	13.313.558
4	Chi phí công bố quy hoạch	4.038.491
5	Lấy ý kiến đồ án quy hoạch	2.692.327
<b>C</b>	<b>CHI PHÍ THẨM TRA, PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN</b>	<b>2.329.533</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>408.689.891</b>
	<b>LÀM TRÒN</b>	<b>408.690.000</b>

Dự toán kinh phí nêu trên là cơ sở phân bổ vốn và thực hiện các bước tiếp theo. Kinh phí thực tế được quyết toán cụ thể theo các nội dung hồ sơ quy hoạch được duyệt.

- Nguồn vốn thực hiện: Vốn ngân sách nhà nước.

UBND huyện Thăng Bình kính trình HĐND huyện xem xét thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu VT, NNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**